

BUÔN LÀNG TÂY NGUYÊN NGÀY NAY: CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI CỦA CÁC ĐỊNH CHẾ PHI CHÍNH THỨC CỔ TRUYỀN¹

TS. Võ Công Nguyên
Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ

Tóm tắt: Bài viết này góp phần nhận diện những yếu tố tác động làm biến đổi nhanh không gian sinh tồn hay không gian xã hội của buôn làng truyền thống ở Tây Nguyên; đồng thời dự báo xu hướng biến đổi của các định chế phi chính thức cổ truyền trong các cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ dưới góc nhìn về chuyển biến xã hội từ xã hội cổ truyền sang xã hội hiện đại ở vùng này. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị góp phần quản lý xã hội và phát huy vai trò của một số định chế phi chính thức cổ truyền trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên ngày nay.

Từ khóa: Định chế xã hội, tộc người thiểu số tại chỗ, buôn làng, Tây Nguyên.

1. Đặt vấn đề

Định chế xã hội, theo Trần Hữu Quang, là “một hệ thống các mối quan hệ xã hội đã được xác lập ổn định trong một cộng đồng xã hội nhất định. Nó được định hình theo thời gian, khi mà các mối quan hệ xã hội và một số ứng xử nhất định được lặp đi lặp lại, rồi dần dần biến thành tập quán, và cuối cùng trở thành tập hợp những vai trò, chuẩn mực, quy tắc mà mọi thành viên cộng đồng xã hội này mặc nhiên thừa nhận và tự nguyện tuân thủ”. Trong các định chế xã hội

nói chung, có định chế xã hội chính thức, được hiểu là “những định chế mà nhà nước đã công nhận một cách chính thức (bằng văn bản), thường hoạt động trong khuôn khổ quy định của pháp luật” và định chế xã hội phi chính thức, được hiểu là “những định chế mà nhà nước không (hoặc chưa) công nhận một cách chính thức và hoạt động bên ngoài hệ thống pháp luật” (Trần Hữu Quang, 2016a, tr. 14-15).

Các định chế xã hội phi chính thức của các tộc người thiểu số tại chỗ (sau đây viết tắt là TNTSTC) ở Tây Nguyên, bao gồm những định chế xã hội phi chính thức cổ truyền và những định chế xã hội phi chính thức mới (bài này gọi là *định chế phi chính thức cổ truyền và định chế phi chính thức*

¹ Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài *Vai trò của một số định chế xã hội phi chính thức đối với sự phát triển bền vững Tây Nguyên* do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành chủ trì (mã số đề tài TN3/X21, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KHCN-TN3/11-15, gọi tắt là “Chương trình Tây Nguyên 3”).

mới). Những định chế phi chính thức cổ truyền được hình thành và phát triển trong phạm vi không gian xã hội có tính biệt lập và khép kín của buôn làng truyền thống. Tuy nhiên, không gian xã hội của buôn làng ở Tây nguyên đã biến đổi theo thời gian dưới tác động của các yếu tố bên ngoài cộng đồng là chủ yếu. Các định chế phi chính thức cổ truyền cũng biến đổi theo và nhiều định chế đã dần mất đi vai trò vốn có của chúng trong hệ thống tự quản của buôn làng vốn được vận hành theo phong tục và luật tục.

2. Các yếu tố tác động đến sự biến đổi của buôn làng ở Tây Nguyên

2.1. Về tác động của chính sách

Từ sau năm 1975, nhất là từ năm 1986 đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách chung đối với Tây Nguyên và nhiều chủ trương, chính sách đặc thù đối với những TNTSTC. Nhìn chung, việc thực thi những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo trong thời gian qua đã làm thay đổi cơ bản diện mạo Tây Nguyên và vùng các TNTSTC (xem thêm: Phạm Quang Hoan, 2014, tr. 209-246).

Tuy nhiên, việc hoạch định chính sách phát triển vùng nói chung “chưa đạt được những mục tiêu mong đợi, đặc biệt là đối với một vùng nhạy cảm về xã hội, an ninh chính trị và môi trường sinh thái như ở Tây Nguyên” (Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú, 2014, tr. 454). Những chính sách ở Tây Nguyên trong nhiều thập kỷ sau năm 1975 chủ yếu tập trung vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến nguy cơ suy thoái, cạn kiệt, làm tổn hại nguồn dự trữ tài nguyên, thiếu hụt các nguồn sinh kế cơ bản

(đất, rừng và nước) trong vùng các TNTSTC. Theo chủ trương chuyển lao động nông nghiệp từ những vùng đông dân đến những vùng thưa dân để tạo thêm đất canh tác sau năm 1975, một số lượng lớn lao động người Kinh từ Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ di dân lên Tây Nguyên theo chính sách kinh tế mới. Thêm vào đó, việc buông lỏng quản lý đã dẫn đến tình trạng không kiểm soát được những làn sóng di dân tự do, khiến cho không gian sinh tồn tự nhiên của buôn làng ở Tây Nguyên bị xáo trộn mạnh bởi sự khai thác, bao chiếm đất đai quy mô lớn của những lớp cư dân mới đến và các tổ chức, cá nhân, các đơn vị quân đội đóng quân trên vùng đất này. Những nhân tố trên đây vô hình trung đã xâm hại đến không chỉ không gian sinh tồn tự nhiên mà còn các quyền lợi hợp pháp, phong tục tập quán và những vấn đề nhạy cảm về tâm linh (bến nước, nghĩa địa, rừng thiêng...) của buôn làng, làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn, nảy sinh những xung đột và bị các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo, tạo nên những bất ổn chính trị - xã hội và an ninh, quốc phòng ở vùng này.

2.2. Về tác động của di dân

Sau năm 1975, dân số ở Tây Nguyên tăng nhanh đột biến về mặt cơ học. Theo số liệu của Nha Tổng giám đốc kế hoạch, Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, dân số ở vùng này năm 1965 có khoảng 750 ngàn người, tăng lên 1,2 triệu người năm 1976, 4,6 triệu người năm 2004 (Bùi Minh Đạo, 2010, tr. 191) và hơn 5 triệu người vào ngày 1/4/2009. Đặc biệt trong vòng 10 năm (từ 1/4/1999 đến 1/4/2009), dân số ở Tây Nguyên đã tăng 1.055.207 người. Các dòng di dân kinh tế mới và di dân tự do đã tạo nên áp lực dân số rất mạnh và làm thay đổi

nh nhanh chóng cấu trúc dân cư, dân tộc ở Tây Nguyên. Cụ thể, từ một vùng đất là địa bàn cư trú chủ yếu của các TNTSTC² với 90% dân số năm 1945 và 55% dân số năm 1975 (Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú, 2014, tr. 147), trở thành một vùng cư dân hỗn hợp đa tộc người với 26,6% dân số là cư dân các TNTSTC và 73,4% dân số là cư dân mới đến (Tổng Điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009). Quá trình tụ cư, lập nghiệp, khai thác đất rừng, phát triển kinh tế của những tộc người mới đến, là một trong những tác tố làm biến đổi nhanh chóng không gian sinh tồn của buôn làng truyền thống ở Tây Nguyên.

Những mối quan hệ hợp tác, tương trợ, tiếp xúc, giao lưu kinh tế, xã hội, văn hóa giữa người Kinh và các tộc người thiểu số mới đến với các TNTSTC ở Tây Nguyên được thiết lập ngày càng thường xuyên hơn do cộng cư, chung sống gần gũi, liền kề, xen kẽ với nhau. Nhưng nhìn chung, các mối quan hệ này diễn biến rất phức tạp và “để lại rất nhiều hệ lụy khác liên quan đến các vấn đề sử dụng tài nguyên và an ninh lương thực, bất bình đẳng và xung đột xã hội, xung đột dân tộc và tôn giáo, bất ổn an ninh - chính trị...” (Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú, 2014, tr. 143). Ngoài ra, tình trạng xuất nhập cư xuyên/liên biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia và lao động người nước ngoài (chủ yếu là người Trung Quốc) đang làm việc tại các dự án bê-xít và một số công ty, tập đoàn kinh tế cũng đã gây nên những bất ổn chính trị - xã hội và an ninh, quốc phòng ở vùng này (Phạm Quang Hoan, 2014, tr. 287).

² Ở Tây Nguyên có 12 TNTSTC, trong đó: 8 tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me, ngữ hệ Nam Á (Ba-na, Xơ-đăng, Gié-Triêng, Bơ-ru, Rơ-măm, Cơ-ho, Mạ, Mông) và 4 tộc người thuộc ngôn ngữ Mã lai - Đa Đảo, ngữ hệ Nam Đảo (Ê-đê, Gia-rai, Chu-ru, Ra-glai).

2.3. Về tác động của tôn giáo

Các tôn giáo trên thế giới (Phật giáo, Công giáo và Tin Lành) du nhập vào Tây Nguyên từ trước năm 1975. Công giáo đã truyền đạo vào vùng này từ thời Pháp thuộc và xứ đạo đầu tiên được thiết lập ở vùng người Ba-na tỉnh Kon Tum. Vào đầu thập niên 1950, có khoảng 20.500 người Ba-na (trong đó 9.500 người Rơ Ngao), 8.500 người Xơ-đăng, 2.000 người Gia-rai và người Ê-đê ở Tây Nguyên theo Công giáo (Nguyễn Hương, 1963, tr. 208, 211). Tin Lành du nhập vào các buôn làng ở Tây Nguyên tuy muộn hơn, nhưng đã phát triển nhanh chóng với 60.000 tín đồ năm 1975, 335.903 tín đồ năm 1986 và gần 400.000 tín đồ năm 2012 (Phạm Quang Hoan, 2015, tr. 198-199).

Những tôn giáo trên thế giới đã phát triển ngày càng mở rộng ra hơn tại các buôn làng TNTS Tây Nguyên với nhiều hệ phái của đạo Tin Lành và dòng tu của đạo Công giáo. Các tôn giáo này đều có một hệ thống tổ chức khá chặt chẽ tại các buôn làng, thôn xã, huyện, tỉnh ở vùng này. Công giáo có ba giáo phận (Kon Tum, Buôn Ma Thuột và Đà Lạt), dưới giáo phận có các giáo hạt, giáo xứ và họ đạo. Tin Lành thuộc hệ phái Tin Lành Việt Nam đến nay có 5 ban đại diện ở cấp tỉnh, 141 chi hội với trên 1.000 điểm nhóm sinh hoạt (Theo Lê Quang Toàn, truy cập ngày 10/10/2015). Buôn làng theo Công giáo được tổ chức thành một họ đạo do *ban chức việc* phụ trách. Dưới họ đạo là các khu đạo, bao gồm nhóm gia đình tín đồ do *ông biện* phụ trách. Mỗi họ đạo có một hay hai *giáo phu* làm nhiệm vụ truyền đạo, củng cố đức tin và giáo lý cho giáo dân. Giáo dân được tổ chức thành hai giáo đoàn là thanh niên và phụ nữ. Buôn làng theo Tin Lành

được tổ chức thành một điểm nhóm do *ban trị sự* cai quản, gồm có *quản nhiệm điểm nhóm, thư ký và thủ quỹ* (Phạm Quang Hoan, 2015, tr. 199). Quản nhiệm điểm nhóm do một mục sư hoặc truyền đạo viên phụ trách. Giúp việc cho *ban trị sự* có *ban chấp sự* do đại hội tín đồ bầu ra. Giáo dân được tổ chức thành bốn giáo đoàn là thanh niên, phụ nữ, người già và thiếu niên (Bùi Minh Đạo, 2012, tr. 147-148).

Những định chế tôn giáo của Công giáo và Tin Lành ở Tây Nguyên đã dung hợp cùng với các định chế phi chính thức của buôn làng tại những buôn theo Công giáo và Tin Lành dưới các chiều kích chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, và cạnh tranh với các tổ chức (hay các định chế) trong hệ thống chính trị của Nhà nước ở cấp cơ sở thôn xã trong sự vận hành cả đời sống *đạo* và đời sống *đời*. Ở nhiều nơi, vai trò của giáo phụ (Công giáo) và quản nhiệm điểm nhóm (Tin Lành) có phần lấn lướt, chi phối vai trò của già làng. Thực tế cho thấy, giáo phụ là người giữ vị trí chủ yếu dẫn dắt đời sống người dân buôn làng, còn già làng là nhân vật thứ yếu, có tính hỗ trợ cho giáo phụ ở các buôn làng theo Công giáo (Theo Đặng Luận, truy cập ngày 10/10/2015). Công giáo và Tin Lành cũng đã thích ứng với những giá trị và chuẩn mực truyền thống của buôn làng và làm thay đổi niềm tin của tín đồ từ tín ngưỡng đa thần sang tín ngưỡng độc thần tôn thờ Thiên Chúa. Đáng chú ý là, hai tôn giáo này đã góp phần phá vỡ không gian xã hội có tính khép kín của buôn làng với sự có kết có tính bền chặt của cộng đồng, từ đó “tạo điều kiện cho nhiều mối quan hệ và cơ hội phát triển của những người cùng tôn giáo được mở rộng ra hơn. Song đây cũng là nhân tố gây ra một số mâu thuẫn cục bộ với những

người đồng tộc hay khác tộc không cùng tín ngưỡng. Đồng thời cũng là một trong những yếu tố nhạy cảm bị các thế lực thù địch lợi dụng lôi kéo vào những mục đích chính trị” (Phạm Quang Hoan, 2015, tr. 201).

3. Xu hướng biến đổi các định chế phi chính thức cổ truyền ở Tây Nguyên

3.1. Dưới chiều kích chính trị

Tổ chức tự quản buôn làng phi nhà nước từng là duy nhất trước đây được thay thế bằng tổ chức hành chính thôn, trên thôn có xã, huyện và tỉnh trong một xã hội tổng thể có nhà nước ở Tây Nguyên hiện nay. Trong bối cảnh đó, các định chế chính trị phi chính thức cổ truyền của buôn làng như chủ làng, già làng, trưởng dòng tộc, thầy cúng, người chỉ huy thanh niên (hay thủ lĩnh quân sự), người xử kiện, chủ rừng, chủ bến nước và luật tục trong quản trị xã hội tự quản được thay thế, hoặc bổ sung, hoặc điều chỉnh bởi các định chế chính thức của những tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở. Dù vậy, các định chế già làng, người xử kiện, nhất là già làng - những người nắm vững kho tàng tri thức bản địa, có uy tín trong cộng đồng - vẫn được trọng vọng, tôn vinh trong cộng đồng buôn làng.

3.2. Dưới chiều kích kinh tế

Ở Tây Nguyên hiện nay, nền nông nghiệp tự cấp tự túc và trao đổi phi hàng hóa, phi lợi nhuận, phi tiền tệ trước đây được chuyển đổi sang nền nông nghiệp hàng hóa, làm thuê, làm mướn và trao đổi, mua bán, tính công lao động bằng tiền theo nền kinh tế thị trường. Theo đó, các định chế kinh tế phi chính thức cổ truyền của buôn làng như sở hữu cộng đồng, dòng họ đối với đất đai được thay bằng chiếm hữu cá thể, tập

quán vật đổi vật được thay bằng phương thức dùng tiền làm vật ngang giá để trao đổi. Các phương thức du canh, luân khoảnh, vãn đổi công và truyền thống hợp tác, tương trợ trong lao động sản xuất mai một dần hoặc mất đi. Thay vào đó, đã xuất hiện những định chế kinh tế phi chính thức mới như quỹ tiết kiệm của tập thể tín đồ do giáo hội tôn giáo tổ chức, hình thức vay nợ, người chuyên cho vay, tập quán mua thiếu, bán chịu với lãi suất cao, hình thức bán sản non, bán lúa non, cùng với những định chế mới như chợ, tiệm tạp hóa, đại lý vật tư, công ty, doanh nghiệp, ngân hàng,... Ở đây, các định chế kinh tế phi chính thức của người Kinh đã cạnh tranh, thay thế các định chế kinh tế chính thức trên diện rộng tại các buôn làng trong việc cho vay nợ, bán chịu với lãi suất cao, mua lúa non, mì non,... Tình trạng này có tác động, ảnh hưởng tiêu cực hoặc làm lệch hướng so với yêu cầu phát triển bền vững về kinh tế của các buôn làng ở Tây Nguyên.

3.3. Dưới chiều kích hôn nhân và gia đình

Sự chuyển đổi sinh kế từ du canh sang định canh, thay đổi sở hữu từ sở hữu cộng đồng sang sở hữu cá thể, hộ gia đình, cùng với quá trình cộng cư, tiếp xúc, giao lưu giữa các tộc người (chủ yếu với người Kinh) và sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình, giáo luật Công giáo, Tin Lành... khiến cho các định chế phi chính thức cổ truyền về hôn nhân và gia đình ở những buôn làng Tây Nguyên biến đổi nhanh. Các định chế cổ truyền liên quan tới tuổi kết hôn, mai mối, thỏa thuận hôn ước về sính lễ hay của hồi môn, hôn lễ, nơi cư trú sau hôn nhân, hôn nhân ưa thích (con trai cô lấy con gái cậu), tục nổi dâm... theo phong tục và luật tục mai một dần. Quan hệ hôn nhân khác tộc cũng đã

trở thành hiện tượng khá phổ biến. Với việc giải thể nhà dài, định chế đại gia đình (gia đình lớn) được thay bằng tiểu gia đình (gia đình nhỏ hay gia đình hạt nhân). Những điều khoản luật tục bảo vệ quyền tự do hôn nhân, về loạn luân và ngoại tình của xã hội tự quản xưa được bổ sung vào hương ước hay quy ước của buôn làng. Còn tập quán hôn nhân khuyến khích (con trai cô lấy con gái cậu), tuổi kết hôn, thỏa thuận về hôn ước với sính lễ hay của hồi môn, việc tổ chức hôn lễ... được thay thế hoặc điều chỉnh theo Luật Hôn nhân và Gia đình, giáo luật của Công giáo và Tin Lành.

2.4. Dưới chiều kích tín ngưỡng và tôn giáo

Từ những biến đổi của các định chế kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội phi chính thức cổ truyền, các định chế tín ngưỡng phi chính thức cổ truyền của buôn làng ở Tây Nguyên cũng biến đổi theo. Sự thay đổi niềm tin theo giáo lý, giáo luật Công giáo và Tin Lành dưới sự dẫn dắt đời sống đạo của các linh mục, mục sư làm cho quá trình giải thiêng diễn ra nhanh chóng ở những cộng đồng tín đồ. Việc xây dựng niềm tin từ tín ngưỡng đa thần sang tín ngưỡng độc thần tôn thờ Thiên Chúa, tín đồ Công giáo và Tin Lành không phải tổ chức nhiều lễ nghi và hiến tế lễ vật cho các thần (*yang*) như trước đây. Dù vậy, một số định chế tín ngưỡng cổ truyền vẫn được duy trì, hoặc “cộng sinh” với các định chế tôn giáo trong thực hành nghi thức đám cưới, đám tang, cúng bèn nước,... Ngoài ra, để phù hợp với đời sống tâm linh trong xã hội hiện nay, tại các buôn làng ở Tây Nguyên cũng xuất hiện một số định chế tín ngưỡng phi chính thức mới như lễ cúng thần cà phê với lễ vật kèm theo tiền

bạc, hay lễ cúng chuyển cấp học cho con cái trong gia đình, lễ cúng tạ ơn thần linh khi người bệnh được xuất viện,...

2.5. Dưới chiều kích giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường

Các định chế phi chính thức cổ truyền về giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường của buôn làng ở Tây Nguyên đã biến đổi nhanh dưới tác động của các định chế chính thức trong hệ thống nhà nước và những định chế tôn giáo. Các định chế phi chính thức cổ truyền như hình thức dạy dỗ, lời răn của già làng, trưởng họ, cha mẹ... có vai trò bổ sung, hiệp lực với các định chế giáo dục chính thức của trường học, trung tâm đào tạo, dạy nghề... để điều chỉnh hành vi, nhân cách, đạo đức và định hướng tương lai cho các thành viên trong cộng đồng. Các định chế y tế phi chính thức cổ truyền như vai trò của bà mẹ, cách chữa bệnh bằng tâm linh và thảo dược của thầy cúng, thầy lang hay phù thủy mai một dần, hoặc được chuyển đổi cho phù hợp với đời sống hiện nay, hoặc được thay thế hay bị loại trừ bởi các định chế y tế chính thức như cơ sở bán thuốc tây, thuốc đông y, trạm xá, trung tâm y tế, bệnh viện,... Các định chế phi chính thức về văn hóa - xã hội như nhà rông, lễ hội cộng đồng, truyền thống tương trợ, kết nghĩa, quan hệ gia đình, dòng họ, buôn làng, liên buôn làng vẫn được duy trì trong chừng mực nhất định, song hành với các định chế chính thức mới như nhà văn hóa cộng đồng, sân thể thao, trạm truyền thanh, cùng với những hoạt động tương trợ như tặng quà, xây nhà ở, trường học, cầu cống... của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp, các tổ chức từ thiện xã hội và các tổ chức tôn giáo. Đặc biệt, tác động của di dân, chính sách

định canh, định cư, cùng với sự điều chỉnh của Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng đã làm cho các định chế phi chính thức cổ truyền liên quan đến bảo vệ đất rừng mất đi khi không gian sinh tồn tự nhiên của buôn làng và chế độ sở hữu cộng đồng về đất đai đã thay đổi.

2.6. Một số dự báo

Nhìn chung, quá trình biến đổi xã hội ở Tây Nguyên trước và sau năm 1975 đến nay và trong tầm nhìn vào tương lai một vài thập niên tới, diễn ra chủ yếu theo hai tiến trình: “Chuyển từ cộng đồng cổ truyền tự trị phi nhà nước sang cộng đồng thành viên của một xã hội tổng thể có nhà nước và chuyển từ loại hình xã hội cổ truyền dựa trên quan hệ trao đổi và tương trợ cộng đồng sang loại hình xã hội hiện đại dựa trên quan hệ mang tính khế ước” (Trần Hữu Quang, 2016b, tr. 26). Sự giải thể hoặc tiếp tục bảo tồn những định chế phi chính thức cổ truyền của buôn làng phần lớn không phải do tự thân những yếu tố nội tại của cộng đồng, mà chủ yếu do tác động của môi trường kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo từ bên ngoài, những định chế chính thức và phi chính thức đương đại trong xã hội tổng thể ở vùng này. Mối quan hệ giữa các định chế phi chính thức cổ truyền của buôn làng với những định chế chính thức và phi chính thức đương đại trong xã hội tổng thể ở Tây Nguyên, có thể có một số kiểu loại quan hệ tương tác như hỗ trợ, bổ sung và điều chỉnh cho nhau hay cạnh tranh, thay thế và loại trừ nhau.

Sự duy trì và biến đổi trong chừng mực nhất định của các định chế phi chính thức cổ truyền của buôn làng ở Tây Nguyên có vai trò hỗ trợ, bổ sung để *góp phần khắc phục những thiếu hụt/hoặc làm tăng thêm*

hiệu quả và sức mạnh thực thi cũng như vai trò điều chỉnh để *góp phần khắc phục tình trạng lệch hướng và/hoặc tăng cường tính phù hợp* của các định chế chính thức trong xã hội tổng thể, nhất là hệ thống chính trị cấp cơ sở và buôn làng trong quản lý phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm chính trị - xã hội và an ninh, quốc phòng, hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên. Trong khi đó, sự cạnh tranh và/hoặc thay thế của các định chế phi chính thức mới trong xã hội tổng thể, nhất là các định chế kinh tế phi chính thức của người Kinh cộng thêm những định chế tôn giáo phi chính thức của Công giáo và Tin Lành diễn biến theo hai xu hướng: *tích cực và tiêu cực*. Nếu cạnh tranh và thay thế *lành mạnh, thuận chiều* sẽ có tác động tích cực, có tính bền vững cho *quá trình bổ sung và đổi mới* các định chế phi chính thức cổ truyền của buôn làng và các định chế chính thức trong xã hội tổng thể. Nhưng, nếu cạnh tranh và thay thế không lành mạnh, trái chiều, thiếu bền vững thì sẽ có tác động tiêu cực, *cản trở, làm lệch hướng quá trình bổ sung và đổi mới* các định chế phi chính thức cổ truyền của buôn làng cũng như các định chế chính thức và phi chính thức đương đại trong xã hội tổng thể ở Tây Nguyên ngày nay (Hà Hữu Nga, 2015).

4. Một số kiến nghị

Dưới tác động của chính sách, di dân và tôn giáo thế giới, buôn làng truyền thống và những định chế phi chính thức cổ truyền của các TNTSTC ở Tây Nguyên đã biến đổi nhanh chóng từ sau năm 1975 đến nay. Vì thế, trong quản lý xã hội tổng thể và phát huy vai trò các định chế phi chính thức cổ truyền của buôn làng ngày nay cần có sự hiệp lực của cả hệ thống chính trị từ Trung

ương đến địa phương, nhất là hệ thống chính trị cấp cơ sở ở thôn xã, kiên trì thực hiện chính sách dân tộc dựa trên nguyên tắc *bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển* giữa các tộc người ở vùng này.

Trước mắt cần: (i) Tập trung giải quyết cơ bản đất cư trú và đất sản xuất cho người dân các TNTSTC ở Tây Nguyên trên cơ sở quy hoạch lại đất đai và tổ chức lại không gian lãnh thổ buôn làng sao cho vừa góp phần phát huy những mặt tích cực của các định chế phi chính thức cổ truyền, vừa thích ứng với quá trình chuyển đổi hình thức sở hữu và sinh kế từ cộng đồng sang hộ gia đình cá thể vận hành theo nền kinh tế thị trường; (ii) Phát huy vai trò của luật tục hướng tới phát triển năng lực nội tại của cộng đồng và trên cơ sở giải quyết tốt mối quan hệ tương tác giữa luật tục và luật pháp trong quản lý phát triển xã hội ở từng cộng đồng cụ thể; và (iii) Phát huy vai trò những người có vị thế và uy tín của buôn làng như *trưởng thôn (chủ làng trước đây), già làng* và phần nào đó là *trưởng dòng họ, người xử kiện* ở các buôn làng, *giáo phụ* ở buôn làng theo Công giáo và *quản nhiệm điểm nhóm* ở buôn làng theo Tin Lành trong quản trị xã hội tự quản của buôn làng và có thể tham khảo trở lại một ý tưởng mà nhà dân tộc học Nguyễn Từ Chi đã từng đề xướng trong một bài viết vào năm 1988, đó là cần “chính thức hóa tổ chức già làng” (Nguyễn Từ Chi, 1996, tr. 531).

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

2. Bùi Minh Đạo (2010), *Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bùi Minh Đạo (2012), *Một số vấn đề cơ bản của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền vững*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Phạm Quang Hoan (2015), *Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững Tây Nguyên*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài (mã số TN3/X05), thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KHCN-TN3/11-15 “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên”, Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
5. Nguyên Hương (1963), “Địa phận Kontum”, trong: *Văn hóa Nguyệt san*, tập XII, quyển 2, tháng 2, Sài Gòn.
6. Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú (2014), *Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
7. Đặng Luận, “Tác động của Công giáo đến vai trò thiết chế già làng ở vùng dân tộc thiểu số Kon Tum”, trên trang <http://truongchinhtri.kontum.gov.vn>, truy cập ngày 10/10/2015.
8. Hà Hữu Nga (2015), “Mối tương tác giữa các thể chế chính thức và phi chính thức ở Tây nguyên”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ An*, trên trang <http://www.vanhoanghean.com.vn>, thứ 6, ngày 03 tháng 4 năm 2015.
9. Trần Hữu Quang (2016a), “Định chế xã hội phi chính thức: Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn xã hội ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh*, Số 2, tr.12-24.
10. Trần Hữu Quang (2016b). “Biến đổi xã hội của buôn làng Tây Nguyên: Hai chiều kích then chốt”, *Tạp chí Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh*, Số 2, tr. 25-42.
11. Lê Quang Toàn, “Một số vấn đề đặt ra đối với công tác tôn giáo ở Tây nguyên”, trên trang <http://btgcp.gov.vn>, truy cập ngày 10/10/2015.